TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2025/DS-PT
Ngày: 10 -12 - 2025
V/v: Tranh chấp thỏa thuận hỗ trợ tiền khi bị thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán:Bà **Trần Thị Dịu** - Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Vân Nha – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà **Võ Thị Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp thỏa thuận hỗ trợ tiền khi bị thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 250/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1

Địa chỉ: Thôn P, xã M, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai N – Phó Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung H1, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã M, tỉnh Khánh Hòa,

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Xuân B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quý Minh T – Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hồng S – Phó Chủ tịch (Có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Khánh L là nguyên đơn và ông Mai Xuân B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Như H là Người đại diện theo uy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khánh L trình bày:

Để triển khai dự án xây dựng nhà máy Điện mặt trời M, UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 06/2/2018 về việc "Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Điện mặt trời M tại xã M, huyện N", trong đó có thu hồi của vợ chồng bà Nguyễn Thị Khánh L, ông Mai Xuân B diện tích 56.108,8 m^2 đất thuộc các Thửa đất số 4, 9, 10, 15a, 22a và 26b, tờ bản đồ địa chính số 139 và 140 tọa lạc tại xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 06/02/2018, UBND huyện N ban hành Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 về việc "Hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị Khánh L để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Nhà máy Đ2 tại xã M, huyện N", số tiền bồi thường theo Quyết định này là 529.231.600 đồng. Không đồng ý với đơn giá bồi thường nên bà L không đồng ý giao đất để Công ty thực hiện dự án và bà L đã khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, đến ngày 21/8/2019, ông Lê Hồng K là Giám đốc Ban Q là chủ đầu tư cam kết: "Đến ngày 20/9/2019 Công ty sẽ thanh toán đủ số tiền theo Hợp đồng thỏa thuận hỗ trợ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 08/2019/BT&GPMB. Trường hợp Công ty vi phạm thì hoàn trả lại mặt bằng và chịu phạt theo lãi suất ngân hàng". Ngày 22/8/2019, ông Bành Văn A là Giám đốc Ban điều hành dự án Điện mặt trời Mỹ S1 tiếp tục ký Giấy cam kết có nội dung:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty sẽ thanh toán đủ số tiên theo Hợp đồng thỏa thuận hỗ trợ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 08/2019/BT&GPMB. Trường hợp Công ty vi phạm thì sẽ hoàn trả lại mặt bằng và chịu phạt lãi suất theo ngân hàng. Ngày 07/02/2020, bà L và Công ty đã ký kết Hợp đồng thoả thuận hỗ trợ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 0702/2020/BT-GPMB ngày 07/02/2020 (Viết tắt: Hợp đồng 0702) có nội dung: Giá trị hợp đồng là 42.000 đồng/m^2, tổng giá trị là 2.356.569.600 đồng, trong đó: Công ty sẽ chi trả: 1.827.338.000 đồng. Số tiền còn lại là: 529.231.600 đồng, bà L sẽ được nhận từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận đồng thời cam kết nếu sau này bà L nhận tiền tại Trung tâm phát triển quỹ đất không đủ 529.231.600 đồng Công ty sẽ có trách nhiệm chi trả phần thiếu hụt theo đúng căn cứ và Hợp đồng số 0702/2020.

Bà L đã nhận của Công ty Đ1 1.827.338.000 đồng. Số tiền 529.231.600 đồng, bà L mới nhận 136.470.000 đồng vào ngày 25/6/2018 và 298.535.300 đồng vào ngày 28/8/2023, so với Hợp đồng số 0702, bà L nhận chưa được nhận 94.226.300 đồng. Bà L khởi kiện Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán tông số tiền: 679.231.600 đồng, cụ thể:

+ Số tiền còn nợ 529.231.600 đồng; tiền lãi tính từ ngày 18/02/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện 28/11/2023, là 150.000.000 đồng. Sau đó, bà L yêu cầu bổ sung đòi lại quyền sử dụng các thửa đất số 4, 9, 10, 10a, 10b, 22a cùng thuộc Tờ bản đồ số 140 xã M, toạ lạc tại thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, tổng diện tích 56.108,8 m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 94.226.300 đồng.

2. Yêu cầu Công ty phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Khánh L tổng số tiền lãi là 157.249.588 đồng, tính theo mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng thời gian chậm trả và số tiền Công ty chậm thanh toán, cụ thể như sau:

- Tính từ ngày 17/02/2020 đến ngày 28/8/2023: Số tiền chậm thanh toán là 392.761.600 đồng, do đó tiền lãi là: 138.596.423 đồng.

- Tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày 27/8/2025: Số tiền chậm thanh toán là 94.226.300 đồng, do đó tiền lãi là: 18.845.260 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo Hội đồng xét xử tuyên án, yêu cầu Công ty phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán, tương ứng với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

3. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu khởi kiện bổ sung có nội dung: Yêu câu Công ty Cổ phần Đ1 phải trả lại quyền sử dụng các Thửa đất số 4, 9, 10, 10a, 10b, 22a cùng thuộc Tờ bản đồ số 140 xã M, toạ lạc tại thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, tổng diện tích 56.108,8 m^2.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Khánh L yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn Công ty cổ phần Đ1 do ông Lê Trung H1 trình bày:

Để triển khai thực hiện dự án đầu tư nhà máy Đ2, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1, nay là Công ty Cổ phần Đ1 (Viết tắt: Công ty) đã tiến hành bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện dự án.

Theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND huyện N về việc phê duyệt Phương án và Kinh phí hỗ trợ cho 27 hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời M, trong đó, hộ bà Nguyễn Thị Khánh L được hỗ trợ tổng số tiền là: 529.231.600 đồng theo Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 06/02/2018.

Thực hiện Quyết định số 241/QĐ-UBND, Công ty đã chuyển cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận tổng số tiền 8.083.002.024 đồng này, cụ thể:

+ Ngày 04/10/2017, chuyển số tiền: 168.342.000 đồng.

+ Ngày 06/02/2018, chuyển số tiền 7.924.511.788 đồng. Để kịp tiến độ thực hiện dự án, Công ty nhiều lần thỏa thuận về việc đảm bảo bồi thường, hỗ trợ cho bà L. Đến ngày 07/02/2020, Công ty và bà L lập Hợp đồng thỏa thuận hỗ trợ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 0702 ngày 07/02/2020, theo đó bà L sẽ được nhận tổng số tiền 2.356.569.600 đồng, trong đó: Công ty chi trả 1.827.338.000 đồng và bà L đã nhận đủ số tiền này vào ngày 07/02/2020. Số tiền còn lại là: 529.231.600 đồng, bà L sẽ được nhận từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận. Trong đó, bà L đã nhận số tiền 136.470.000 đồng vào ngày 25/6/2018. Số tiền còn lại là 392.761.600 đồng bà L không đồng ý nhận mà khiếu nại các quyết định hành chính và hành vi hành chính của UBND huyện N liên quan đến việc thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện dự án, xảy ra vụ án hình sự đối với các bị cáo Phạm Đức H2, Đinh Hữu S2 và Nguyễn Thành Đ là người có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao trong việc đo đạc lập bản đồ địa chính, xác nhận thời điểm sử dụng đất của các hộ dân (trong đó có bà Nguyễn Thị Khánh L) trong vùng thực hiện dự án Nhà máy Đ2 nên điều chỉnh Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 06/02/2018, đồng thời ban hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 điều chỉnh Quyết định số

255/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của bà L, nội dụng quyết định này: "Hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Khánh L 435.005.300 đồng, bao gồm hỗ trợ về đất là 298.535.300 đồng và hỗ trợ về cây keo lá tràm 136.470.000 đồng". Như vậy, số tiền bà L được nhận hỗ trợ là 435.005.300 đồng, giảm 94.226.300 đồng. Hiện nay, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N đã chi trả và bà L đã nhận tổng số tiền 435.005.300 đồng, bao gồm: Tiền hoa màu, cây trồng là 136.470.000 đồng; tiền bồi thường đất là 298.535.300 đồng. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã hoàn trả số tiền 94.226.300 đồng chênh lệch này cho Công ty quản lý. Theo yêu cầu khởi kiện của bà L, công ty Đ1 đồng ý chi trả cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 94.226.300 đồng. Công ty không đồng ý thanh toán các khoản tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận do Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Khánh Hòa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng có yêu cầu vắng mặt và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân B do bà Nguyễn Thị Như H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông B là chồng của bà Nguyễn Thị Khánh L. Ông B đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà L và yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ông B đồng ý để bà L nhận toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà L do Công ty Cổ phần Đ1 chi trả.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa đã tuyên:

Căn cứ khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; các Điều 244, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 120, 280, 284, 357, 400, 401 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L:

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 94.226.300 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải trả cho bà L số tiền lãi tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày 27/8/2025 là 18.845.260 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L có nội dung:

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải trả số tiền lãi là 138.596.423 đồng, tính trên số tiền gốc 392.761.600 đồng, tính từ ngày 07/02/2020 đến ngày 27/8/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, bà Nguyễn Thị Khánh L là nguyên đơn, ông Mai Xuân B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa. Những người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 06/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Phiên tòa được mở lần thứ hai, các đương sự vắng mặt đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ hợp pháp khi tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự.

- Thỏa thuận chi trả, hỗ trợ giữa Công ty Cổ phần Đ1 với bà Nguyễn Thị Khánh L hợp pháp nên phát sinh nghĩa vụ và quyền lợi ràng buộc hai bên. Bà L đã nhận một phần tiền theo cam kết sau đó từ chối nhận và thực hiện việc khởi kiện nên bà L yêu cầu được tính lãi trên số tiền gốc 392.761.600 đồng, tính từ ngày 07/02/2020 đến ngày 27/8/2023 là 138.596.423 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi là đúng. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên đề nghị HĐXX bác toàn bộ kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng

[1.1] Phiên tòa được mở lần thứ hai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo (nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khánh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân B) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Phần tranh luận: Người kháng cáo không tranh luận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của số tiền gốc 392.761.600đ từ ngày 07/02/2020 đến ngày 27/8/2023 là 138.596.423đ.

[3] Xét kháng cáo:

[3.1] Quyết định số 241/QDD-UBND ngày 06/02/2018, của UBND huyện N phê duyệt phương án kinh phí hỗ trợ cho 27 hộ dân có đất bị thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng Nhà máy Đ2, trong đó có hộ của bà Nguyễn Thị Khánh L. Ngày 07/02/2020, giữa Công ty TNHH Đ1 (sau này đổi tên là Công ty Cổ phần Đ1) với bà Nguyễn Thị Khánh L ký hợp đồng thỏa thuận hỗ trợ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 0702/2020/BT&GPMB, theo đó Công ty TNHH Đ1 được sử dụng 56108,8m^2 đất; Công ty Đ1 sẽ trả cho bà L 1.827.338.000đ. Số tiền còn lại 529.231.600đ bà L sẽ nhận từ Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện N. Nội dung thỏa thuận không quy định về nghĩa vụ chịu lãi suất. Bà L đã nhận khoản tiền 1.827.338.000đ vào ngày 07/02/2020. Khoản tiền 529.231.600đ, bà L đã nhận từ trung tâm quỹ đất là 136.470.000đ vào ngày 25/6/2018; phần tiền còn lại 392.761.600đ, bà L không nhận mà thực hiện việc khiếu nại. Vụ việc được khởi tố, truy tố, xét xử một số đối tượng có liên quan và phần đất của hộ bà L bị thu hồi trước đây có một phần diện tích được kê khống nên số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà L được điều chỉnh giảm so với số tiền 529.231.600đ, nhưng Công ty Cổ phần Đ1 vẫn chấp nhận chi trả cho bà L số tiền 529.231.600đ theo cam kết là có lợi hơn cho bà L. Ngày 28/8/2023, bà L nhận thêm số tiền 298.535.300đ nên tổng số tiền bà L đã nhận là: 136.470.000đ + 298.535.300đ= 435.005.300đ, bà L chưa nhận số tiền còn lại 94.226.300đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần Đ1 1 trả cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền còn lại 94.226.300đ là đúng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Bà L yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải trả lãi của số tiền gốc 392.761.600đ và lãi của số tiền gốc 94.226.300đ; đối chiếu văn bản thỏa thuận của hai bên thì Công ty Cổ phần Đ1 không có lỗi trong việc chậm chi trả mà do bà L từ chối nhận phần tiền còn lại để thực hiện khiếu nại, khởi kiện vụ án hành chính. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải bác yêu cầu tính lãi của bà L mới đúng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đ1 không kháng cáo nên phần lãi trên số tiền 94.226.300đ được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là 18.845.260đ, có lợi cho bà L nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét trong phạm vi giới hạn

của kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà L về số tiền lãi trên số tiền 392.761.600đ là đúng.

[3.3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Khánh L và ông Mai Xuân B; chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên – VKSND tỉnh Khánh Hòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Khánh L và ông Mai Xuân B không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên bà L, ông B mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 308 khoản 1; Điều 313 khoản 6; Điều 148 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Khánh L, ông Mai Xuân B; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa.

2. Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Khánh L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001259 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Khánh Hòa.

- Ông Mai Xuân B phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001261 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Khánh Hòa.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 10/12/2025./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND KV7 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS KV7 – Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hàng Lâm Viên